



PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 255, NĂM THỨ 21

THÁNG 10-2015



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Con đường tu học</u>	<i>BBT</i>	3
<u>Pháp môn Tịnh độ</u>	<i>HT. Thích Trí Thủ biên tập</i>	4
<u>Pháp Cú 294, 295</u>	<i>HT. Thích Minh Châu dịch</i>	14
<u>Hư Hư Lục Người mù sờ voi</u>	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	14
<u>Tương Đại Phật A Di Đà Ushiku</u>	<i>Trần Nguyên Thắng</i>	15
<u>Phục hồi tương lớn nhất Thế giới gây tranh cãi</u>	<i>Hải Minh</i>	18
<u>Thơ: Một giọt buồn</u>	<i>Phổ Đồng</i>	21
<u>Về Phật Giáo Việt Nam và hai giáo hội</u>	<i>Nguyễn Văn Huy</i>	22
<u>Thơ: Hân thu cao</u>	<i>Tuệ Sỹ</i>	29
<u>Sự thật đằng sau “Bông hồng cài áo”</u>	<i>FB Nhi Ngọc Nguyen</i>	30

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Con đường tu học

Đạo Pháp cần phải học để được thông suốt giáo lý của đức Phật đã dạy, có như thế người Phật tử mới được sáng suốt trong tư tưởng, trong lời nói và hành động.

Ở giảng đường chùa Xá Lợi Sài Gòn, có ghi lời dạy của Tổ Khánh Anh: “Học mà không tu là đầy sách, tu mà không học là tu mù”.

Cho nên chúng ta là Phật tử, cần phải học để thấm nhuần những lời chỉ dạy của đức Phật của chư tổ, để tránh lầm lạc, mất thì giờ tu tập mà không đạt kết quả.

Người ta thường hỏi tu để làm chi ? Có người cho biết tu để tạo phước báo, có người cho biết tu để chuyển nghiệp, có người cho biết tu để giải thoát.

Tùy theo sự nhận thức của mỗi người, có khi cùng tu tập giống nhau nhưng có đức tin khác nhau, chẳng hạn như có người niệm Phật, tin rằng sẽ được vãng sanh về cõi cực lạc, nhưng cũng có người niệm Phật cốt để giữ cho tâm được thanh tịnh, để tạo nghiệp lành.

Cùng vậy, người ta hành Thiền như nhau, nhưng có người hành thiền mong đạt được quyền năng, có người hành thiền chỉ nhằm làm cho tâm thanh tịnh, tạo nên thiện nghiệp.

Tinh túy của đạo Phật có một hương vị, đó là hương vị giải thoát, nghĩa là tu tập để thoát khỏi luân hồi, để vào cõi Niết Bàn, không còn sanh trở lại chốn nhân thiên, chịu những ràng buộc phiền não về tinh thần và khổ đau xác thân.

Muốn được vậy, người ta phải hàng ngày, hàng giờ tinh tấn trong tu tập, vượt lên trên mọi phước báo nhân thiên, bởi vì còn phước báo tức là còn nhân quả.

Người tu còn tùy căn cơ, không phải mọi người đều như nhau cho nên trên đường tu tập mỗi người khác nhau, kẻ thuận duyên, người nghịch cảnh, cho nên người tu phải tinh tấn, phải tự tu chứ không ai có thể tu dùm, chuyển được nghiệp cho người khác.

Học đạo để thông hiểu giáo lý, chọn cho mình một phép tu thích hợp, nhưng cần nhất là chúng ta phải hành, chuyên tu và tinh tấn.

BBT/NS/Phật Học

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Hòa Thượng Thích Trí Thủ biên tập

(Khởi đăng từ NS Phật Học số 154)

Chương II

Phạm Vi Cõi Cực Lạc

Cõi Cực Lạc còn có tên là cõi An Dưỡng hay cõi An Lạc.

Tiết I

Y Báo và Chánh Báo Trang Nghiêm

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép rằng: Đức Phật A Di Đà khi đương còn làm Tỳ Kheo, tên là Pháp Tạng Tỳ Kheo. Pháp Tạng nhắm mục đích trang nghiêm cõi Tịnh Độ để dễ giáo hóa các loài hữu tình, nên đã từng xin với Đức Phật Thế Tự Tại dạy cho biết tướng trạng (hình thức) và nội dung của 210 ức quốc độ của chư Phật. Nghe xong, Ngài lại yêu cầu biến hiện cho thấy để y cứ vào đó mà tham khảo làm ấn tượng trong khi tu hành.

Sau khi thấy nghe tường tận bao nhiêu cảnh giới quốc độ của chư Phật, Tỳ-kheo Pháp Tạng mới bắt đầu vận hết tinh thần tu nhơn "tạo quốc độ". Trải 5 kiếp tư duy nhiếp thủ. Ngài mới thành tựu thế giới Cực Lạc.

Xét kỹ về mặt kiến lập, các thế giới trong mười phương đều do cộng nghiệp của chúng sanh tạo thành và đều chỉ do thức biến hiện. Trong sự tạo tác biến hiện, tất cả đều nương vào nhơn duyên, gá mượn nhau mà sanh khởi. Cảnh giới biến hiện bên ngoài in tuồng như có, nhưng sự thật thì chỉ do nội thức biến chuyển, nghĩa là đều quy về nhất tâm

cả. Ở đây, chư Phật là những bậc đã tịnh hóa được tâm thức, dùng tâm thức thanh tịnh ấy mà biến hiện thì tạo thành Tịnh Độ. Nếu chúng sanh nhất tâm niệm Phật tức là gieo chánh niệm vào tịnh thức của Phật, như đổ một chậu nước vào biển cả. Nước chậu dung hòa với nước biển, cùng chung một hương vị. Cũng thế, khi chúng sanh đã sanh vào quốc độ của chư Phật, y báo và chánh báo của chúng sanh cũng trở thành trang nghiêm như Phật và cũng sẽ được dung thông vô tận vậy.

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu vì sao Ngài Tỳ-kheo Pháp tạng phải trải qua 5 kiếp tư duy nhiếp thủ mới hoàn thành được cảnh giới Cực Lạc. Ta hãy cử một thí dụ cho rõ nghĩa: thí dụ về cách tạo nhơn để thành tựu một cây bửu thọ.

Ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo trong lúc tu Quán, tập trung tư tưởng vào một khoảng hư không. Trong khoảng hư không ấy vốn không có gì hết, nhưng Ngài tưởng tượng ra một cây bửu thọ gốc vàng, cành bạc, nhánh lưu ly, chồi thủy tinh, lá san hô, hoa mã não, trái xa cừ. Sự tưởng tượng như thế gọi là "tư duy". Khi tư duy đã thuần thực, cây bửu thọ đã hoàn thành, Ngài luôn luôn nắm giữ lấy tư tưởng ấy không phóng xả; cây bửu thọ ấy cũng sẽ do đó mà vĩnh viễn tồn tại.

Bây giờ Ngài mới móng ý muốn cho cây bửu thọ "chết" ấy thoát khỏi trạng thái tĩnh để trở nên sống động. Muốn nó nở hoa kết

quả, nó liền nở hoa kết quả; muốn nó phát ra thanh âm, nó liền phát ra thanh âm v.v... Cứ y như thế mà hành trì thì gọi là “nhiếp thủ”, nghĩa là thu hoạch và giữ lấy.

Đối với cây bửu thọ kia, chỉ có Phật nhãn mới biết cây bửu thọ đó là hư huyền không thật, kỳ dư chúng sanh trong chín cảnh giới khác, kể từ địa ngục trở lên và Bồ Tát trở xuống, hết thấy đều thấy cây bửu thọ là thật có. Chúng sanh dùng mắt trông thì nó có sắc thật; dùng tai mà nghe thì nó có tiếng thật; dùng mũi mà ngửi thì nó có mùi thật; dùng lưỡi mà nếm thì nó có vị thật; dùng thân mà sờ thì nó có chất thật; dùng ý mà suy nghĩ thì nó có hình dáng thật. Sở dĩ có các cảm giác như thật ấy là vì sự cấu tạo của cây bửu thọ đã hoàn thành rồi.

Lấy sự tạo thành một cây bửu thọ đơn cử ra đây, chẳng qua là để làm thí dụ cho ta hiểu rằng sự hoàn thành cả cõi Tịnh Độ đòi hỏi công phu và thời gian lâu dài đến bậc nào. Ở thế giới Cực Lạc không riêng gì một cây này mà tất cả sự vật, hình hình, sắc sắc ngàn sai muôn khác, thấy đều có một nguồn gốc tạo thành giống như thế cả.

Còn lý do khiến Ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo phát tâm tu tập tư duy nhiếp thủ để tạo thành cảnh giới Tịnh Độ là cốt nhằm xây dựng một chốn đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm để tiếp độ chúng sanh. Ngài đã vận hết tinh thần trải qua năm đại kiếp mới thành tựu xong. Đến nay, thế giới Cực Lạc là nơi “quy túc” (về nghỉ) của chúng ta về sau. Sanh về đó là nấc thang thoát ly sanh tử luân hồi để cho chúng ta bước lên đường cứu cánh giải thoát. Vậy xem đó, chúng ta có thể ý niệm được lòng từ bi vô hạn của đức Phật A Di Đà đối với chúng sanh là nhường nào vậy.

Phật học chia quả báo làm hai loại: quả báo hiện trong tự thân là chánh báo; quả báo hiện ngoài tự thân, như hoàn cảnh, quốc độ và tất cả sự vật chung quanh, là y báo.

Sự tôn nghiêm của y báo và chánh báo ở cõi Cực Lạc đại khái đều có chép trong ba bộ kinh dạy về pháp môn Tịnh Độ.¹ Nhưng trong ba bộ kinh ấy chỉ mới giải bày một cách khái quát mà thôi, và những điều của ba bộ kinh ấy trình bày chẳng qua cũng như một giọt nước so với bể cả mênh mông! Nếu nói cho rõ ràng đầy đủ, tương e cùng kiếp mãi đời cũng không bao giờ nói hết được.

Tuy không tài nào diễn tả được hết, nhưng đại phạm "trăm nghe không bằng một thấy", người tu hành nên kiên cố nhất tâm niệm Phật, trong tương lai được vãng sanh Tịnh Độ rồi, khi tự nhận thân mình đã an trú trong cảnh giới đó, tất nhiên tự mình trông thấy rõ ràng khỏi cần ai thuyết giáo nhiều lời. Nếu không nhất tâm tu niệm, thì nào có khác gì kẻ kia đọc lịch sử thật nhiều, nhưng vẫn không hội ý được hoàn cảnh, sự kiện và sự vật chung quanh các nhân vật lịch sử; muôn đời nhân vật và hoàn cảnh lịch sử ấy vẫn là nhân vật và hoàn cảnh trong tưởng tượng. Đọc lịch sử mà không làm sống lại được nhân vật và hoàn cảnh lịch sử thì nào có bổ ích gì? Chẳng qua cũng một loại "gãi ngứa ngoài giày" làm sao đã ngứa được?

Trong khi chờ đợi một sự thân chứng đích xác hơn, bây giờ ta hãy tạm y cứ vào kinh điển để biết một cách khái lược về trạng thái trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

a) Chánh báo trang nghiêm (cũng gọi là chúng sanh thể gian thanh tịnh.)

Chánh báo trang nghiêm gồm có các chi tiết

lược kê như sau:

1. Thân tướng trang nghiêm

Nhân dân trong cõi Tịnh Độ, thân toàn sắc vàng, có đủ 32 tướng tốt, hình mạo giống nhau, không kẻ đẹp người xấu, dung sắc vi diệu, cao lớn khôi ngô, vô cùng xinh đẹp.

2. Thọ mạng vô hạn.

Sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp (a tăng kỳ: vô số), tự chủ hoàn toàn, tùy theo bản nguyện.

3. Có phép thần thông.

Từ thiên nhãn thông (thấy suốt tất cả) đến thiên nhĩ thông (nghe suốt tất cả), tha tâm thông (biết tâm niệm kẻ khác), túc mạng thông (biết rõ kiếp trước), thần túc thông (đi lại tự tại); nếu chứng được quả vị A-la-hán thì còn thêm lậu tận thông (dứt sạch nghiệp luân hồi).

4. Thường an trú chánh định.

Tâm trí luôn luôn an định, không bị hoàn cảnh chi phối tán động.

5. Không còn đọa ác đạo.

Đã sanh Tịnh Độ thì không bao giờ còn bị sa đọa vào ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

6. Hoa sen hóa sanh.

Nhân dân ở Tịnh Độ đều hóa sanh từ hoa sen mọc trong hồ bảy báu; tuyệt nhiên không do ái dục nam nữ mà thành.

7. An vui thanh tịnh.

Thân tâm được an lạc như các vị Tỳ-kheo đã

chứng quả A la hán (lậu tận thông).

8. Không còn có tên bất thiện.

Ở cõi Tịnh Độ không còn có gì được gọi là bất thiện; danh từ bất thiện cũng không có, huống nữa là sự thật bất thiện.

9. Đạo tâm bất thoái.

Được sanh về cõi Tịnh Độ, tâm niệm luôn luôn đồng mãnh tinh tấn, một mạch thẳng tiến đến đạo quả Vô Thượng Bồ đề, không còn thoái chuyển.

10. Trí huệ biện tài.

Đọc tụng kinh văn, thọ trì giáo pháp một cách tinh tế và có đủ tài biện luận vô ngại.

11. Được vô sanh pháp nhẫn.

Chứng quả vô sanh pháp nhẫn tức là phá trừ hết ngã chấp và pháp chấp, đạt được chơn trí, và chơn trí ấy xứng hợp với chân lý, lý và trí không hai.

12. Uy lực tự tại.

Có đủ năng lực lớn lao và thần thông tự tại như các bậc Thanh Văn và Bồ Tát đủ năng lực nắm tất cả thế giới vào trong lòng bàn tay.

13. Thân sáng chói lợi.

Hàng Thanh Văn thì thân chiếu sáng được một tầm; hàng Bồ Tát thì thân chiếu sáng từ một trăm do tuần cho đến tam thiên đại thiên thế giới.

14. Vô số Thanh Văn.

Trong hội đầu tiên của đức Phật A Di Đà đã giáo hóa, số chúng sanh chứng quả Thanh

Văn không thể kể xiết. Số Bồ Tát cũng vậy. Về số lượng Thanh Văn và Bồ Tát chứng quả này, Đức Thích Ca đã bảo cho Ngài A Nan hay rằng: "Có sức thần như Mục Kiền Liên và dùng sức thần thông ấy trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp, cũng không thể biết được số lượng Thanh Văn, Bồ Tát chứng quả trong đại hội đầu tiên của Đức A Di Đà giáo hóa; dù cho có biết được một phần nào mà nếu đem so với số chưa biết được thì cũng không khác nào một giọt nước so với biển cả."

15. Vô số bồ xứ Bồ Tát.

Ở quốc độ Cực Lạc, chúng sanh đều bất thoái chuyển; trong số bất thoái chuyển đó, số người sẽ bồ xứ (sắp thành Phật) không thể đếm hết được. Số người bồ xứ thật là vô lượng vô biên vậy.

b) Y Báo Trang Nghiêm (Cũng gọi là khí thế gian thanh tịnh)

Y Báo trang nghiêm gồm có các chi tiết lược kê như sau:

1) Quốc độ bằng phẳng thanh tịnh.

Toàn quốc không có bụi nhơ, không có núi Tu Di và các núi non gò nong khác; cũng không có biển lớn biển nhỏ mênh mông hoặc khe ngòi hang hố trập trùng.

1. Mặt đất do bảy báu tạo thành.

Ở quốc độ Cực Lạc, ngọc lưu ly rải khắp mặt đất, xen lộn với bảy báu, trong suốt từ trong ra ngoài. Dưới đất có đế bằng vàng, kim cang và thất bảo chống đỡ đất lưu ly. Xung quanh đế, tám phương có tám góc; mỗi góc khảm bằng thất bảo; mỗi thứ trong thất bảo chiếu ra trăm ngàn ánh sáng có tám

vạn bốn ngàn màu sắc chói sáng rực rỡ lên mặt đất lưu ly, có dây chuyền vàng bủa giăng, xen lộn với thất bảo, tạo thành những ranh giới ngay thẳng phân minh, rộng rãi bao la mênh mông bát ngát, tráng lệ thanh kỳ, trang nghiêm tuyệt diệu!

2. Khí hậu ôn hòa.

Khí hậu không lạnh không nóng, mát mẻ quanh năm, không phân chia bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

3. Lưới báu bủa giăng.

Vô lượng lưới báu giăng khắp cõi Phật. Dây giăng toàn bằng vàng, kết tua bằng ngọc trân châu, xen lộn với trăm ngàn thứ ngọc báu khác xinh đẹp lạ lùng. Chung quanh bốn phía lưới có treo các linh báu sáng ngời chói lọi vô cùng tráng lệ. Mỗi khi gió dịu thổi qua, linh báu phát ra vô lượng pháp âm khiến chúng sanh ở đây, khẽ nghe tiếng linh thì tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

4. Sáu thời mưa hoa.

Ngày đêm chia sáu thời có gió dịu phưởng phất; đồng thời từ trên trời, hoa mạn đà la rơi xuống cùng khắp bờ cõi thơm tho mát dịu. Mỗi lần mưa hoa, chân đi xuống lún bốn tấc, như đi trên nệm gấm, nhưng theo bước chân đỡ lên, lớp hoa lại hợp liền lại như cũ. Tuần tự trước sau, hoa ấy héo dần rồi biến mất; mặt đất trở lại sạch sẽ. Ngày đêm có sáu lần cảnh tượng ấy diễn đi diễn lại như thế.

5. Sen báu đầy đầy.

Các thứ hoa sen báu mọc lên cùng khắp cả cõi Phật. Mỗi một hoa sen báu lại có trăm

ngàn ức cạnh. Từ các cạnh, sức chói sáng của hoa ánh ra vô lượng màu sắc. Sắc xanh phóng ra hào quang xanh; sắc trắng phóng ra hào quang trắng; các sắc huyền, vàng, đỏ, tím, mỗi mỗi đều phóng một loại hào quang riêng vô cùng rực rỡ chói lọi, lấn áp cả ánh sáng mặt trăng mặt trời.

6. Hóa Phật thuyết pháp.

Từ mỗi hoa sen báu tuôn ra ba mươi sáu trăm ngàn ức hào quang; trong mỗi hào quang hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức đức Phật với thân vàng sáng chói, tướng tốt trang nghiêm, mỗi một đức Phật, lại phóng ra vô số hào quang chiếu sáng khắp mười phương và nói pháp nhiệm mầu cho mười phương nghe.

7. Cây đạo tràng của Phật.

Cây đạo tràng của Đức Phật A Di Đà là do các báu hợp thành. Ngài lại dùng trân châu, mã não trang sức thêm. Chung quanh cây, trên các nhánh lớn, cành con, các thứ chuỗi ngọc treo lủng giồng, tỏa ra trăm ngàn vạn sắc tân kỳ. Trên cây đạo tràng lưới báu xinh đẹp bủa giăng; hết thảy đều trang nghiêm và tùy ý ứng hiện.

8. Cây báu phát âm thanh.

Vô số cây báu mọc cùng khắp cõi Tịnh Độ. Có cây chỉ do một ngọc báu tạo thành, có cây do hai, ba cho đến bảy loại ngọc báu xen lẫn nhau mà đức nên. Các loại cây báu ấy mọc từng hàng ngang nhau, trở từng cành đối nhau, đâm từng nhánh so nhau, lá lá hướng với nhau, hoa hoa giao với nhau, trái trái tương đương nhau, xanh tươi xinh đẹp không thể tả xiết. Khi một làn gió nhẹ thoảng qua, từ cành từ lá, từ hoa, từ quả mỗi

mỗi đều phát ra năm thứ thanh âm hòa nhã như trăm ngàn điệu nhạc hòa tấu một cách tự nhiên. Nhạc điệu du dương tuyệt diệu hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần tiếng nhạc của cung trời Lục Dục và phát ra vô lượng thanh âm màu nhiệm. Nghe tiếng nhạc ấy rồi chúng sanh liền lần lượt chứng nhập giáo pháp sâu xa, tiến lên bậc bất thoái, tiến mãi cho đến khi thành tựu quả Phật. Nghe tiếng nhạc ấy rồi thì tai trở nên thanh tịnh không còn các khổ hoạn, mắt trông thấy được sắc cây, mũi ngửi được hương cây, miệng nếm được vị cây, thân tiếp xúc được ánh sáng của cây tỏa ra, ý suy nghĩ hình dáng của cây. Sáu căn đã lãnh hội được hoàn toàn cây báu rồi thì liền đó ngộ được thâm thâm pháp nhẫn mà lên bậc bất thoái. Từ đó cho đến khi thành đạo quả, không còn có sự náo hại và lục căn luôn luôn được thanh tịnh

9. Muôn vật nghiêm lệ.

Hết thảy muôn vật đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng suốt xinh đẹp. Hình sắc đặc biệt lộng lẫy một cách vi diệu, không thể tả xiết.

10. Không có ba đường dữ.

Không có các khổ nạn của ba cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

11. Cung điện trang nghiêm.

Hết thảy nhà cửa như giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác đều tự nhiên thành tựu và đều trang hoàng bằng bảy thứ báu. Trên nhà cửa cung điện còn có giăng phủ một lớp mặt võng làm bằng các thứ báu trân châu, ma ni, minh nguyệt. Lại nữa, nhà cửa cao thấp rộng hẹp, lớn nhỏ và được xây cất bằng một, hoặc hai, hoặc vô lượng thứ báu, hết thảy đều tùy sở nguyện mà liền có ứng hiện.

12. Quốc độ thanh tịnh.

Quốc độ thanh tịnh trong suốt như một thể giới pha lê chiếu tỏa khắp mười phương, khiến từ đó có thể trông thấy được vô lượng vô biên vô số thể giới của chư Phật bất khả tư nghị.

13. Hồ tắm trong thơm.

Nước trong các hồ tắm yên lặng trong suốt, bản chất thanh tịnh, mùi vị thơm tho như nước cam lồ và có đầy đủ tám tính chất gọi là "bát công đức thủy". Nếu là hồ hoàng kim thì dưới đáy là cát bạch ngân; nếu là hồ bạch ngân thì dưới đáy là cát vàng; nếu là hồ thủy tinh thì dưới đáy là cát lưu ly; nếu là hồ lưu ly thì dưới đáy là cát thủy tinh; nếu là hồ san hô thì dưới đáy là cát hồ phách; nếu là hồ hồ phách thì dưới đáy là cát san hô; nếu là hồ xa cừ thì cát dưới đáy là cát lưu ly; nếu là hồ bạch ngọc thì dưới đáy là cát vàng tía; nếu là hồ vàng tía thì dưới đáy là cát bạch ngọc. Các nhóm báu ấy còn thay đổi theo ý người muốn: hoặc do hai thứ báu, hoặc do ba, bốn cho đến bảy thứ báu mà hợp thành hồ.

14. Nước hồ lên xuống tùy nguyện.

Nhân dân ở nước Cực Lạc, một khi bước chân xuống hồ, mực nước lên xuống cao thấp đều tùy theo ý nguyện. Cũng tùy theo ý nguyện mà nước hồ có ấm lạnh một cách tự nhiên. Tắm xong tinh thần thấy sáng khoái và tẩy trừ hết tâm cấu nhiễm. Mỗi khi bước xuống tắm bốn phía bờ hồ có tiếng sóng vỗ lao xao như một điệu nhạc, phát ra tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tiếng tịch tịnh xa vắng, tiếng vô ngã, tiếng đại từ bi, tiếng ba la mật. Những tiếng phát ra như vậy rất xứng hợp với người nghe và

khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ vô lượng.

15. Hương xông ngào ngạt.

Từ mặt đất lên đến hư không, hết thảy cung điện, lầu gác, hồ sen, cây hoa v.v... Cho đến tất cả vạn vật đều xông ướp trong trăm ngàn thứ hương thơm, kết hợp do vô lượng tạp bảo đặc biệt. Hương ấy tỏa khắp mười phương thế giới; Bồ Tát người thấy mùi hương liền đồng mãnh tu theo hạnh Phật.

16. Thức ăn tinh khiết.

Thức ăn gồm các thứ hương hoa vô cùng tinh khiết và thù thắng hơn ở các cảnh trời. Mỗi khi muốn ăn, chén bát thất bảo tự nhiên hiện ra với trăm thức ăn uống đầy đủ. Cách ăn không như ở cảnh giới chúng ta, mà chỉ bằng tác ý và bằng mắt thấy tai nghe, tức thời tự nhiên bảo mãn. Ăn xong thức ăn tiêu hóa; đến giờ ăn sau, những thức ăn mới lại tự nhiên hiện ra như trước.

17. Y phục tùy niệm.

Y phục của nhân dân tùy niệm tùy hiện, không cần may, cắt, giặt, nhuộm.

18. Chim biết thuyết pháp.

Các thứ chim ở cõi này đều là hóa thân của đức A Di Đà. Ngài biến hóa ra các thứ chim tạp sắc kỳ diệu như bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lăng tần già, cộng mạng, chim phù, chim nhận, chim oan ương v.v... ngày đêm sáu thời, kêu tiếng hòa nhã. Tiếng ấy giảng giải pháp ngũ căn, ngũ lực, bảy phẩm Bồ-đề, tám pháp chánh đạo v.v... khiến người nghe đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Tiết II

48 Lời Nguyện

Như trong một đoạn trước đã nói, Đức Phật A Di Đà, trong thời gian làm thầy Tỳ-kheo, lấy pháp danh là Pháp Tạng. Pháp Tạng Tỳ-kheo, sau khi đã được nghe giảng về quốc độ thanh tịnh của chư Phật, liền đến quỳ trước Đức Phật Thế Tự Tại Vương, phát 48 lời đại nguyện cứu độ chúng sanh. Bốn mươi tám đại nguyện ấy có ghi chép trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Tinh thần các lời thệ nguyện thật là bao la bát ngát. Ở đây chỉ riêng trích những lời có liên hệ mật thiết với sự tu hành của chúng ta, hầu giúp chúng ta có sự quan cảm và sách lệ trên bước đường tu tập. Một khi chúng ta đã rõ được phần nào ân đức rộng rãi bao la của Phật, chúng ta há lại không nỗ lực tinh tấn để khỏi phụ lòng từ bi vô hạn của Phật ư?

Nguyện thứ nhất. Trong nước không có ba đường ác đạo

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác nếu khi tôi thành Phật mà trong quốc độ còn có ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh".

Nguyện thứ hai. Người trong nước khi thọ chung không còn đọa ba ác đạo.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ sau khi thọ chung còn đọa lạc ba ác đạo."

Nguyện thứ 3. Người trong nước đều toàn sắc vàng.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không được sắc vàng như chơn kim".

Nguyện thứ 4 . Người trong nước đều có hình tướng xinh đẹp giống nhau.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ còn có hình tướng kẻ đẹp người xấu không đồng".

Nguyện thứ 5 . Người trong nước đều được túc mạng thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà dân trong quốc độ không chứng được túc mạng thông, không biết suốt trăm ngàn muôn ức kiếp về trước".

Nguyện thứ 6 . Người trong nước đều được thiên nhãn thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà dân trong quốc độ không chứng được thiên nhãn thông, không thấy suốt trăm ngàn muôn ức quốc độ chư Phật trong mười phương".

Nguyện thứ 7. Người trong nước đều được thiên nhĩ thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không chứng được thiên nhĩ thông, không nghe suốt trăm ngàn muôn ức lời thuyết pháp của chư Phật trong mười phương và không thọ trì được tất cả lời

thuyết pháp ấy".

Nguyên thứ 8. Người trong nước đều được tha tâm thông.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không chứng được tha tâm thông, không hiểu suốt tâm trí của kẻ khác cùng là tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn muôn ức quốc độ của chư Phật".

Nguyên thứ 9. Người trong nước đều được thần túc thông.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được thần túc thông, không bay khắp trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật trong khoảng một niệm".

Nguyên thứ 15. Người trong nước thọ mạng vô lượng và đều tự tại trong sự sống chết.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không được sống lâu vô lượng và không được sống chết tự tại tùy theo bản nguyện riêng".

Nguyên thứ 18. Chúng sanh trong mười phương chỉ tu phép thập niệm cũng được vãng sanh.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương một lòng tin tưởng tôi, hằng ngày niệm được 10 lần tên hiệu tôi để cầu vãng sanh Cực Lạc mà đến khi lâm chung chẳng đặng như nguyện".

Nguyên thứ 19. Chúng sanh trong mười phương phát nguyện vãng sanh Cực Lạc đều được tiếp đón.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương phát tâm Bồ Đề, tu hành các công đức, cầu được vãng sanh Cực Lạc mà đến khi họ lâm chung, tôi và đại chúng Bồ Tát không phóng quang hiển hiện ra trước mắt để tiếp dẫn họ về nước Cực Lạc".

Nguyên thứ 20. Chúng sanh trong mười phương hồi hướng công đức đều được vãng sanh Tịnh Độ.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương, nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công đức để hồi hướng nguyện vãng sanh về nước Cực Lạc mà không được như nguyện".

Nguyên thứ 21. Người trong nước đều có đủ 32 tướng tốt.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không có đủ 32 tướng tốt của trượng phu".

Nguyên thứ 27. Vạn vật trong nước đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng suốt, đẹp đẽ vô lượng vô biên.

Nguyên rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà tất cả vạn vật trong quốc độ, thân tướng không

trang nghiêm thanh tịnh, không sáng suốt đẹp đẽ và hình sắc không thù thắng đặc biệt, không tinh vi huyền diệu. Giá có chúng sanh dù đã chứng được thiên nhãn đi nữa, vẫn không thể biện biệt hết số lượng của vạn vật trang nghiêm ấy".

Nguyện thứ 31. Quốc độ thanh tịnh chiếu khắp các thế giới.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà quốc độ không thanh tịnh, không soi suốt mười phương vô lượng vô số bất khả tư nghị thế giới chư Phật như gương sáng trong suốt mọi vật".

Nguyện thứ 32. Tụ bảo cung điện ngào ngạt hương xông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà cung điện, lầu gác, cây hoa, cũng như tất cả vạn vật trong quốc độ không ngào ngạt trăm ngàn hương thơm do vô lượng tụ bảo chung cộng hợp thành, xông ngát từ mặt đất đến hư không. Hương thơm ấy phải kỳ diệu hơn tất cả hương trời, tỏa khắp mười phương thế giới và sẽ khiến Bồ Tát nghĩ thấy đều đồng mãnh tu theo hạnh Phật".

Nguyện thứ 34. Chúng sanh trong mười phương nghe được danh tự Phật đều chứng được vô sanh pháp nhẫn.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, mà các loại chúng sanh trong mười phương vô lượng bất khả tư nghị thế giới của chư Phật nghe đến danh tự tôi, mà không chứng được

vô sanh pháp nhẫn của Bồ Tát cùng các phép tổng trì thâm diệu".

Nguyện thứ 35. Nữ chuyển thành Nam.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật, có những người nữ trong mười phương vô lượng bất khả tư nghị thế giới chư Phật chán ghét thân phụ nữ nghe đến hiệu tôi, phát tâm Bồ Đề hoan hỷ tin tưởng, cầu bỏ thân phụ nữ mà đến lúc thọ chung vẫn không bỏ được thân phụ nữ".

Nguyện thứ 38. Y phục của nhân dân tùy niệm liền hiện, khỏi cần phải cắt, may, giặt, nhuộm.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân còn có người cần phải cắt, may, giặt, nhuộm mới có áo quần, chứ không được tùy niệm liền hiện như lời Phật tán thán: Diệu phục đúng pháp, tự nhiên đắp lên trên mình".

Nguyện thứ 39. Người trong nước an lạc như hàng Lậu Tận.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không hưởng thọ an lạc như các hàng Lậu Tận Tỳ-kheo".

Hai mươi một lời nguyện trọng yếu trong 48 đại nguyện lược trích trên đây quan hệ mật thiết vô cùng với chúng ta. Hai mươi bảy lời nguyện còn lại chỉ riêng liên quan đến các hàng đại Bồ Tát, nên đối với chúng ta chưa phải là nhu cầu cần thiết. Vì vậy nên ở đây

miễn nói đến.

Ai muốn biết tường tận xin hãy xem trong kinh Vô Lượng Thọ.

Trong mỗi lời nguyện đều có câu "Thề quyết không thủ ngôi Chánh Giác". Xin lưu ý rằng đó là một điều quan trọng. Không thủ ngôi Chánh Giác tức là từ chối quả vị Phật, không chịu làm Phật để riêng an hưởng thường, lạc, ngã, tịnh một mình, trong khi chúng sanh trong quốc độ còn đau khổ. Lời nguyện vừa hợp tình, vừa xứng lý, vừa quảng đại bao la, thể hiện hoàn toàn cả một trời đại từ đại bi thăm thẳm, khó thể nghĩ bàn.

Trong kinh "Phật Thuyết A Di Đà", đức Thích Ca dạy rằng: Đức A Di Đà thành Phật đã mười kiếp rồi và 48 lời đại nguyện của Ngài đều đã được thực hiện hoàn toàn viên mãn. Nếu không như thế, Ngài quyết không chịu thành Phật.

Đọc lại các lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà trên đây, ngay trong hàng tín đồ rất có thể có kẻ móng tâm bán tín bán nghi. Mà bán tín bán nghi là lẽ thường tình, vì chính ngay đức Phật Thích Ca cũng đã tiên đoán như vậy khi Ngài dạy rằng đây là một "nan tín chi pháp", khó thể nghĩ nghị. Nhưng chúng ta hãy xét rằng người quân tử ở thế gian còn không bao giờ dám nói sai lời, huống hồ là đức Phật, đáng đầy đủ phước đức trí huệ, muôn hạnh vẹn toàn. Ngài há lại không thủ tín. Có thâm tín mới quyết nghị và chỉ khi nào quyết nghị được, thì muôn hạnh muôn đức mới do đó mà phát sanh ra. Kinh dạy: "Nghĩ tắc hoa bất khai" nghĩa là hễ còn ngờ vực thì hoa không nở. Dù công hạnh nhiều đến đâu mà lòng thâm tín chưa

kiên cố thiết tha thì rất khó có kết quả.

Ta cũng nên lưu ý thêm rằng các đại nguyện trên đây đều thuộc trách nhiệm riêng của Phật. Duy có ba điều 18, 19 và 20 thì cả đôi bên. Đức Phật và người tu cùng liên đới chịu trách nhiệm. Đại nguyện thứ 18 nói rằng người tu hành dù chỉ đều đều xưng danh hiệu Ngài mười lần mỗi ngày (tu phép thập niệm), cũng được vãng sanh. Nếu không được vãng sanh, ấy là trách nhiệm của Ngài; nhưng nếu ta không chí tâm tin tưởng và không giữ được phép thập niệm đều đặn mỗi ngày thì đó là lỗi của ta. Hai đại nguyện 19 và 20 kế tiếp liền đó cũng bao hàm cái ý liên đới trách nhiệm như thế cả.

Nếu chúng ta nhứt tâm tin tưởng, đồng mãnh thực hành ba sự kiện: niệm danh hiệu, nguyện vãng sanh và hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh Độ, tức là chúng ta đã làm xong nhiệm vụ. Việc đáng làm, cần làm, chúng ta đã làm. Kỳ dư bao nhiêu điều khác hoàn toàn do trách nhiệm của đức Phật A Di Đà tất cả.

Nói tóm lại, pháp môn Niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ đặt căn cứ trên hai yếu tố cơ bản: đức từ bi quảng đại của chư Phật và lòng ưa mến thiết tha của chúng sanh, trên dưới giao cảm nhau, nương tựa nhau mà có khai hoa kết trái. Khi sự giao cảm tương duyên đã thấm thiết đậm đà đến mức không còn ranh giới của giao cảm nữa tức nhiên trong nhân tướng, quả thể đã hiện bày một cách cụ thể. Đến lúc ấy, nhân cũng tức là quả, mà quả cũng tức là nhân. Hiện tiền, kết quả đã có thể chứng nghiệm được, lo gì lúc lâm chung không vãng sanh lạc quốc! Sự quan trọng chỉ cốt ở chỗ đức tin có vững

không. Lòng tin đã thấm thiết chưa và sự thật hành có thường xuyên và xứng đáng không? Tất cả ách yếu của vấn đề là tại chỗ đó mà thôi.

Hơn nữa, pháp môn Niệm Phật còn hàm súc một đạo lý rất vi diệu thâm thâm và còn có nhiều tác dụng bất khả tư nghị, chứ không đơn giản như người thường hay lầm tưởng. Chính đức Thích Ca đã ca ngợi rằng đây là một pháp có diệu dụng bất khả tư nghị nhất.

(Còn tiếp)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tập Lục

294

*Sau khi giết mẹ cha [1]
Giết hai vua Sát ly [2]
Giết vương quốc, quần thần [3]
Vô ưu, Phạm chí sống.*

295

*Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà la môn
Giết hổ tướng thứ năm [4]
Vô ưu, Phạm chí sống.*

Chú thích:

[1] Ái dục và mạn.
[2] Thường kiến và biên kiến.
[3] 12 xứ
[4] Nghi

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Người Mù Sờ Voi

Thuở xưa có một đám người mù từ thuở sơ sinh, nghe nói đến con voi nhưng chưa từng thấy nó ra sao cả. Một hôm nghe đồn có một con voi đi qua làng, đám người mù liền nhờ người dẫn đường đến xem voi. Anh nải dễ dãi cho phép họ được sờ rẫm con voi tùy thích. Lúc trở về đám người mù kháo nhau rằng:

- Bác ạ! Lạ quá nếu không phải chính tay tôi sờ thì tôi không thể nào tin được, con voi hết như cái cột nhà... kinh thật! (Anh chàng này sờ nhầm chân con voi).

- Bác bảo sao? Con voi còn lâu mới giống cây cột nhà..." Anh mà sờ nhầm chiếc đuôi quả quyết:

- Nó giống cây chổi chứ lại...

Anh sờ tai voi cãi:

- Tôi thấy nó giống cây quạt mo.

Anh sờ nhầm bụng bảo:

- Tôi cho rằng nó giống cái chum tương.

- Hừm, mắt với mũi các anh ra sao đấy. Tôi thì thấy nó như cái ống điều, anh chụp nhầm cái vòi hét.

(Xem tiếp trang 21)

Tượng Đại Phật A Di Đà Ushiku, Nhật Bản

Trần Nguyên Thắng



Nhật Bản không chỉ là một quốc gia có nền kỹ thuật công nghiệp cao mà đây còn là một đất nước có rất nhiều điểm khác biệt so với các đất nước khác trên thế giới về tôn giáo và văn hóa. Bên cạnh tôn giáo Thần Đạo, một tín ngưỡng dân gian trong suốt chiều dài lập quốc của Nhật Bản, Phật Giáo là một tôn giáo lớn khác cũng hiện diện ở đây hơn 1,500 năm. Phật Giáo Nhật Bản có nhiều tông phái khác nhau. Một kỳ tích hiện đại của Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản là tượng Phật A Di Đà Ushiku cao 120m đã được dựng tại ngôi làng nhỏ Ushiku thuộc

tỉnh Ibaragi.

Mặc dù tôi đã từng ở Nhật gần 9 năm nhưng thời đó tượng Đại Phật Ushiku chưa có, nên tôi không biết đã đành. Nhưng tôi có những người bạn đã từng lưu học ở Nhật trước năm 1975, bây giờ vẫn còn ở Nhật, vậy mà cũng ít ai để ý đến một pho tượng Đại Phật cao lớn đứng sừng sững giữa một ngôi làng nhỏ Ushiku. Có lẽ, nếu không có pho tượng Đại Phật A Di Đà này, chắc hẳn tôi cũng không bao giờ biết đến ngôi làng Ushiku thuộc tỉnh Ibaragi nằm ở đâu.

Lần theo quá khứ thì tôi mới biết Ibaragi là một tỉnh khá nổi tiếng, đây là nơi sản xuất ra một loại vải đặc biệt rất nổi tiếng, chuyên được dùng để may áo Kimono. Về tôn giáo, vào đầu thế kỷ 13 có một vị cao tăng tên Thân Loan (1173-1262) đã có dịp đến nơi đây hành đạo trong suốt một thời gian khá dài 20 năm. Đại sư Thân Loan xuất gia từ thuở nhỏ, lúc mới lên 9 tuổi chỉ vì gia đình ông không còn ai, bố mẹ ông mất sớm. Ông theo học thầy là Đại Sư Pháp Nhiên người sáng lập ra phái Tịnh Độ Tông. Tuy nhiên, giáo pháp của người thầy đã không hoàn toàn giúp ông thoát ra khỏi các điều phiền não khổ đau trần thế. Một điểm đặc biệt, xã hội nhiều nhượng vào thời điểm đó cũng đã không cho phép ông tiếp tục con đường tu hành. Những thăng trầm trên bước đường tu học, khi bị bắt buộc phải hủy bỏ tăng tịch của mình, Đại sư Thân Loan đã buộc phải sống cuộc đời bình thường như mọi người. Ngài lập gia đình với Ni sư Eshin là một thiếu nữ thuộc gia đình quý tộc Nhật. Tuy nhiên, ngài vẫn không quên đi con đường tu học của mình. Cũng vì điều này mà các tông phái khác cho rằng ngài đã phạm vào giới luật Phật Giáo, nhưng ngược lại thì đại sư Thân Loan lại cho rằng tất cả mọi chúng sanh, kể cả nam nữ đều là đối tượng cứu độ của Đức Phật A Di Đà.

Trong hoàn cảnh đó, ngài sáng lập ra phái Tịnh Độ Chân Tông vì cho rằng chúng sanh luôn luôn cần đến sự giúp đỡ của Đức Phật A Di Đà. Một khi niềm tin của chúng sanh vào Đức Phật A Di Đà đã trở thành đức tin thì chỉ cần Niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà thôi, mọi chúng sanh đều có thể thoát ra khỏi mọi điều phiền não, bệnh tật, khổ đau trong đời sống trần thế.

Ngày bố mẹ tôi mất, tôi có dịp đến chùa tụng kinh Tịnh Độ cho hương hồn bố mẹ. Khi đọc đoạn kinh “Phật nói Kinh A Di Đà” trong nghi thức Tịnh Độ, lúc đó quả thực tôi không hiểu lắm vì có thể nhiều lý do như trình độ hiểu biết về Phật Giáo của cá nhân mình chưa đủ hay ngôn ngữ của mình không đồng điệu với ngôn ngữ trong kinh. Nhưng từ khi tôi đến đánh lễ “tượng Đại Phật A Di Đà Ushiku” thì sự hiểu biết thêm về Kinh A Di Đà mở rộng thêm nhiều. Không biết Đức Phật mở mang kiến thức cho đầu óc tôi thêm thoáng rộng hay chính những nhà thiết kế tượng Đại Phật Ushiku giúp tôi thêm cơ duyên để hiểu thêm ý nghĩa của những đoạn kinh.

Ngôi tượng Đại Phật Ushiku là ngôi tượng do các tín đồ tại ngôi làng Ushiku khởi xướng. Tượng được thiết kế từng phần tại Đài Loan và sau đó đem về Nhật Bản để ráp nối lại trong suốt một thời gian 10 năm. Tượng Phật A Di Đà đứng trên đài hoa sen, tượng cao 120m và nặng đến 4,000 tấn. Ngôi tượng được ráp nối bằng 6,000 tấm thanh đồng, màu sắc của tượng hiện tại là màu đồng nâu. Người ta ước lượng khoảng 80-100 năm nữa thì tượng Phật sẽ đổi từ màu nâu thành màu xanh vì bị oxy-hóa như pho tượng Nữ thần Tự Do dựng ở bên cửa sông Hudson, New York.

Nếu du khách đến ngôi làng Ushiku vào một ngày sương mù nhẹ, người ta không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy tượng Phật cao vút qua khỏi các lùm cây và mái nhà. Nếu bạn có cơ duyên, bạn sẽ có dịp nhìn thấy phần ngực và đầu Phật hiện hiện vượt trên các lớp mây. Không biết kể sao cho hết được cảm xúc của mình khi bắt gặp hình ảnh

tuyệt vời như thế. Dưới chân tượng là một khoảng không gian thoáng rộng, người ta trồng đủ các loại hoa dành cho bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Mùa Xuân các hàng cây anh đào trắng hồng nở rộ vào Tháng Tư. Tháng Năm là tháng của hoa California poppy nở vàng cả thửa vườn dưới chân tượng Phật. Tháng Chín, Tháng Mười là tháng của mùa hoa Cosmos ươm hồng cả không gian Đại Phật Ushiku.

Từ bên ngoài bước lần vào tượng Đại Phật, người ta cho đào một con rạch nhỏ tượng trưng cho hai bên: một bên bên mê và bên kia là bờ giác ngộ. Thêm vào đó, người ta làm một cây cầu gỗ bắc ngang qua sông, trên ván cầu có bảy chữ “Na mu A mi da butsu” (có nghĩa Nam Mô A Di Đà Phật trong tiếng Việt). Nếu bạn niệm đủ danh hiệu Phật A Di Đà khi bước qua cầu là bạn đủ “qualify” qua bên mê để vào bên “giác ngộ.” Chẳng lẽ sự giác ngộ dễ đến thế sao!

Tượng Đại Phật Ushiku còn được thiết kế để cho người thường ngoạn có được cảm giác “khi con người qua đời, khi hồn lìa bỏ khỏi xác thân trần tục” thì cái cảm giác ngay lúc đó là cảm thấy như thế nào! Du khách đi vào tầng một dưới chân tượng. Tầng này được gọi tên là “Thế giới ánh sáng.” Khi cánh cổng tầng này đóng lại, không gian trở nên tối om. Tối đến độ không ai có thể trông thấy ai thì ngay lúc đó du khách sẽ nghe một âm thanh rất nhỏ nhưng vi vu bên tai bạn, dĩ nhiên âm thanh nói bằng tiếng Nhật, đại ý cho bạn biết khi rời trần thế, Đức Phật A Di Đà với “vô lượng quang,” vô lượng thọ” sẽ tiếp dẫn bạn về “Cực Lạc Quốc.”

Sau đó, cánh cửa từ từ mở ra, bạn sẽ thấy

một luồng sáng xanh blue chiếu thẳng đến một tượng Phật A Di Đà đứng ngay giữa không gian. Chung quanh đó là tượng các chư Phật vây quanh, người ta thiết kế đủ màu sắc Phật, chắc cố ý cho mọi người hình dung đến cảnh niết bàn hay “An Lạc Quốc.” Tôi cho “tầng một của Đại Phật Ushiku” là tầng tuyệt hảo nhất, và cũng nhờ thiết kế của tầng này mà tôi hiểu thêm được ý nghĩa đoạn “kinh A Di Đà” trong nghi thức Tịnh Độ. Tôi tạm hiểu thế nào là “vô lượng quang,” “vô lượng thọ,” “thế giới phương trên, dưới, Đông, Tây, Nam, Bắc.” Ôi! Chỉ đem cái trí của mình để tìm hiểu câu kinh, còn không tu không tập như tôi thì chỉ gây thêm phiền não. Biết thế mà sao vẫn không “thoát” được!

Điều khác biệt giữa tượng Đại Phật Ushiku so với các tượng Phật khác trên thế giới là du khách có thể đi vào trong lòng Phật. Ở đây có cả thang máy đưa du khách lên tầng bốn và tầng năm tức là vị trí “lòng ngực” Phật ở độ cao 85m. Ở tầng này, du khách có thể ngắm cảnh làng Ushiku xuyên qua 3 cửa sổ ngay lòng ngực Phật. Nhìn xuống bên dưới xa xa là nơi an nghỉ của các tín đồ Tịnh Độ Chân Tông. Ngoài ra, tầng này cũng trình bày các bức họa đồ vẽ về núi Linh Thử và các thánh địa “tứ động tâm” linh thiêng của Phật Giáo tại Ấn Độ-Nepal. Ngoài ra, một “Xá lợi Phật” do một chùa Thái Lan gửi tặng Đại Phật Ushiku cũng được thờ ở đây.

Mỗi năm rằm Tháng Bảy âm lịch là mùa lễ Vu Lan của Phật Giáo, mùa báo hiếu. Đôi khi vô tình nhìn gặp những người bạn trẻ lo chăm cho các đấng sinh thành già yếu, tôi chạnh lòng nhớ đến bố mẹ mình đã không

còn. Thôi đành nhờ đến Đức Phật A Di Đà, nhờ đến những câu kinh Tịnh Độ như là một chút báo hiếu và nhớ đến công ơn sinh dưỡng của đấng sinh thành. Những ai còn bố

mẹ, họ đang có cả một kho tàng thương yêu mà không có của cải danh vọng nào đánh đổi so sánh được. /-



Tượng Đại Phật Ushiku và mùa Đông.

Phục hồi bức tượng Phật lớn nhất thế giới gây tranh cãi ở Afghanistan

Việc phá hủy bức tượng Phật Bamiyan ở Afghanistan vào năm 2001 đã khiến chế độ Taliban bị cả thế giới chỉ trích.

Nhưng quyết định của Unesco phục dựng các bức tượng này vẫn chưa chấm dứt được cuộc tranh cãi về công trình đúc trong đá có thời là

một trong những di sản văn hóa quý giá nhất của nhân loại.

Vào lúc Taliban ở đỉnh cao quyền lực tại Afghanistan, nhà lãnh đạo Mullah Omar đã phát động một cuộc chiến tranh chống dị giáo. Những nạn nhân lớn nhất của Omar, kể



Tượng Phật ở Bamiyan trước 3/2001

cả về kích thước thực tế lẫn tính biểu tượng, là hai bức tượng Phật bằng đá. Từng là những bức tượng Phật cao nhất thế giới với chiều cao 55 mét, được khắc thẳng vào sườn núi, quay mặt ra thung lũng Bamiyan ở miền Trung Afghanistan suốt từ thế kỷ thứ 6.

Khi Taliban bị lật đổ năm 2003, Unesco tuyên bố thung lũng này là một di sản thế giới và các nhà khảo cổ học đổ xô về đây. Nhưng những gì họ tìm được chỉ là hai hang động trống rỗng với một đồng rác và một bãi mìn chưa nổ. Kể từ đó, Unesco tiến hành khảo sát đồng đồ nát ở các công trình cũ để cân nhắc việc xây lại các tượng Phật.



Tượng Phật ở Bamiyan hiện nay

Thung lũng Bamiyan đánh dấu điểm cực Tây của sự lan tỏa Phật giáo và là một đô thị buôn bán sầm uất trong hầu hết thiên niên kỷ vừa qua. Đó là nơi Đông - Tây hội ngộ khi các nhà khảo cổ phát hiện ra những di chỉ mang ảnh hưởng của gần như mọi nền văn minh cổ đại, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư, Trung Quốc và Ấn Độ. Thung lũng này, do đó, trở thành một địa điểm độc nhất vô nhị trên toàn cầu.

Nhưng năm ngoái, Unesco bất ngờ tuyên bố họ không còn cân nhắc việc phục dựng do bức tượng lớn hơn thì không còn đủ đá trong vách núi. Bức nhỏ hơn có thể được làm lại, nhưng Unesco nói rất khó xảy ra. Thay vì

vậy, Unesco hợp tác với các nhà nghiên cứu Nhật Bản và Ý để bảo tồn những gì còn lại của di chỉ. Cho tới khi một nhóm khảo cổ học và bảo tồn từ Đức, Hội đồng quốc tế các di chỉ và tượng đài (Icomos) lật lại việc phục dựng.

Bert Praxenthaler đã làm việc với Icomos và từ năm 2004, ông cố gắng thu thập mọi mảnh vỡ còn sót lại ở khu di chỉ, với một số tảng đá nặng tới 40 tấn, để bảo tồn. Praxenthaler nói phương pháp của ông là sắp xếp lại các mảnh vỡ và sử dụng tối thiểu các vật liệu mới. "Đó là một trò chơi ghép hình với những mảnh còn thiếu nhưng chúng tôi có thể xác định vị trí của những mảnh vỡ bằng các phương pháp địa chất", Praxenthaler giải thích.

Phương pháp này từng được sử dụng trong việc phục dựng các đền thờ Parthenon và Acropolis ở Athens, Hy Lạp, nhưng là lần đầu được sử dụng với một kiến trúc bị con người cố tình phá hủy. Tiền bạc cũng là một vấn đề tranh cãi khi phục dựng chỉ bức tượng nhỏ thôi cũng tiêu tốn nhiều triệu USD ở một đất nước còn thiếu những hạ tầng cơ bản như đường sá và điện. Việc phục dựng sẽ đòi hỏi chế tạo hoặc nhập khẩu lượng lớn kim loại và hành trình đưa các vật liệu đó tới thung lũng Bamiyan là hết sức nguy hiểm do tình hình bất ổn ở những vùng xa cách Thủ đô Kabul.

"Tất nhiên dự án này gây nhiều tranh cãi vì số tiền quá lớn", tiến sĩ Llewelyn Morgan, tác giả cuốn sách viết riêng về những bức tượng, *The Buddhas of Bamiyan* (Các tượng Phật ở Bamiyan), nói. Morgan cho rằng còn nhiều vấn đề bức thiết hơn mà các nhà khảo

cổ nên chú ý tại Afghanistan. "Bamiyan là một địa điểm nổi tiếng thu hút nhiều nhà khảo cổ", Morgan nói. "Nhưng ở Afghanistan là cả một kho báu khảo cổ học".

Tình trạng trộm cắp cổ vật cũng rất trầm trọng ở quốc gia này, với những di vật sau đó được tuồn lậu sang bán ở Pakistan. Morgan tin rằng sẽ là khôn ngoan hơn nếu chi tiền cho cơ sở hạ tầng và bảo vệ các di chỉ tại đây, thay vì phục dựng tượng Phật. Ông cũng dẫn ra trường hợp Chehel Burj, một pháo đài thời Trung cổ ở Tây Bamiyan đang xuống cấp trầm trọng. "Thời gian, tình trạng trộm cắp, những trận động đất và sự cư xử vô ý thức sẽ tàn phá nó dữ dội", ông nói.

Unesco cũng bày tỏ những quan ngại tương tự và đang huy động tiền để xây dựng một bảo tàng hòa bình Bamiyan để giúp nâng cao nhận thức về di sản văn hóa Afghanistan. Một vấn đề khác là quan điểm tôn giáo. Kiến trúc sư người Ý Andrea Bruno, đang lên kế hoạch xây một ngôi chùa nhỏ dưới chân của tượng Phật đã bị phá hủy, bình luận: "Những người Hồi giáo ở đây rất khắt khe trong việc xây dựng những hình ảnh đại diện cho các tôn giáo khác. Xây lại tượng Phật bị coi là sự xúc phạm với nhiều người".

Nhưng Praxenthaler nghĩ khác. Ông cho rằng việc xây lại tượng Phật là phù hợp với lợi ích của những người Hồi giáo Shia ở vùng Hazara, những người đã bị Taliban đối xử tàn bạo trước kia. "Đây không chỉ là vấn đề tôn giáo, phá hủy những thần tượng của tôn giáo khác, mà còn là việc phá hủy văn hóa và nền tảng đáng tự hào của một dân tộc", ông nói. "Người dân Hazara, đánh giá cao

việc phục dựng tượng Phật". Ông cũng tin rằng xây lại các bức tượng sẽ là một cú hích quan trọng cho kinh tế địa phương, với 50 việc làm được tạo ra và luồng du khách sẽ đổ về đây.

Llewelyn Morgan cũng đồng ý. "Tôi đã gặp những người dân địa phương thậm chí muốn xây lại các tượng Phật bằng bê tông, tất nhiên Unesco không bao giờ chấp nhận điều đó", ông nói, nhưng cũng cảnh báo rằng phản ứng của phần còn lại tại Afghanistan là rất khó đoán. "Đất nước này có sự đa dạng văn hóa, nhưng rất sùng đạo Hồi. Dù nhiều thủ lĩnh tôn giáo có thể không đồng ý với việc phá hủy các bức tượng Phật, việc kêu gọi họ ủng hộ xây lại là chuyện hoàn toàn khác".

Những tượng Phật ở Bamiyan

Cách Kabul 230km về phía Tây Bắc được xây dựng từ thế kỷ 6, khi Bamiyan còn là một vùng Phật giáo thịnh vượng.

Năm 629, nhà du hành người Trung Quốc, Trần Huyền Trang, đã mô tả Bamiyan trong nhật ký hành trình của mình là một trung tâm Phật giáo nhộn nhịp với hàng chục nghìn nhà sư.

Hai tượng Phật lớn nhất cao 55 mét và 37 mét, được khắc thẳng vào vách núi đá.

Các tượng Phật bị chính quyền Hồi giáo cực đoan Taliban phá bỏ tháng 3/2001.

Hải Minh (*Thế Thao và Văn Hóa*)



Một giọt buồn

Phổ Đồng

*Giọt nắng cười nước vỡ
Mưa buồn mây lang thang
Tối nay trăng đi vắng
Mong manh một giọt buồn.*

Người mù sờ voi
(Tiếp theo trang 14)

Anh chàng sau cùng sờ nhầm cái ngà cười khẩy:

- Thật là đồ ngu, vừa đui vừa ngốc... con voi chẳng khác chi cái sừng trâu mà lại khéo tưởng tượng.

Tức thì cả bọn nhao nhao lên:

- Sao? Mày dám bảo ông đui à... hử thằng kia...

- Vừa đui vừa ngốc mới ăn nói ầm ớ như thế!

- Này... ngu này... ngu này...

Đoàn người mù bèn lẫn xả vào nhau đánh, thui, cào cào... Ai cũng cho là mình đúng còn người kia đều là sai cả, nên kết quả là anh chàng nào cũng bị nện một trận đích đáng.

Về Phật giáo Việt Nam và hai giáo hội

Nguyễn Văn Huy

Hòa thượng Thích Quảng Độ tiếp tục lãnh đạo GHPGVNTN sau khi chính đồn nhân sự

Tin Hòa thượng Thích Quảng Độ từ chức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) ngày 01/09/2013 đã là một chấn động lớn đối với những người mến mộ ông.

Nhưng sau hai ngày theo dõi phản ứng của Phật tử và tiếp xúc với các chức sắc trong giáo hội, ngày 04/09, Hòa thượng Thích Quảng Độ cho biết ông chấp nhận tiếp tục lãnh đạo Giáo hội, sau khi chính đồn lại thành phần nhân sự Văn phòng II Viện Hóa Đạo.

Đây là một tin mừng cho giới tăng ni, Phật tử thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vì, theo Thông cáo báo chí ngày 05/09, "cuộc vận động Giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn chưa thành, lãnh thổ lãnh hải bị ngoại nhân xâm chiếm, nhân tâm ly tán, phân hóa, đồng bào trong nước sống cảnh đói nghèo, thiếu tự do, nhân quyền, chế độ độc tài toàn trị vẫn còn thống trị, để van nài Ngài trở lại lèo lái con thuyền Giáo hội trên phong ba bão táp".

Nhưng rõ ràng đây là một thông điệp chính trị. Thông cáo báo chí này để lộ những khó khăn mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đang gặp phải. Người thuyền trưởng không thể rời bỏ con tàu đang giữa

phong ba bão táp.

Tất cả những vấn nạn mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đang gặp phải là chỗ đó: đạo và đời là hai lãnh vực rất khó tách rời nhau trong sinh hoạt của hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Sự gắn bó của Phật giáo giữa đạo và đời không phải mới đây, quan hệ này đã xuất hiện ngay từ khi Phật giáo được du nhập vào Việt Nam.

Sự phát triển của Đạo Phật ở Việt Nam

Nhiều tông phái Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa vào Việt Nam qua nhiều thời kỳ khác nhau

Được du nhập vào miền Bắc Việt Nam (vùng Bắc Ninh hiện nay) cách đây hơn 2000 năm, đạo Phật đã được những thương nhân và tăng sĩ Ấn Độ truyền bá rộng rãi trong chốn dân gian.

Thời đó dân chúng Việt gọi Đức Phật là Bụt (Buddha), trong khi người Trung Hoa gọi là Phật Đà (Buddha phát âm theo tiếng Hán, đọc ngắn lại là Phật); cách phát âm của hai phụ âm B (Việt) và Ph (Hoa) rất giống nhau. Ngày nay Bụt chỉ còn được nhắc tới trong những truyện kể dân gian, trong khi Phật được phổ biến rộng rãi trong kinh điển và chốn thị thành.

Dưới thời Bắc thuộc, khi Phật giáo Đại thừa được đưa vào miền Bắc, danh xưng Bụt bị biến mất nhường chỗ cho danh xưng Phật. Cùng thời gian đó, hai tín ngưỡng khác cũng được người Hán đưa vào miền Bắc: Không giáo và Lão giáo.

Không giáo là một triết lý cầm quyền thể hiện qua phương pháp tu thân tề gia, trị quốc và bình thiên hạ của người quân tử, trong khi Lão giáo là một triết lý sống thuận với trời đất qua tu luyện của từng cá nhân. Từ đó, Phật giáo, Không giáo và Lão giáo từ đó trở thành ba tôn giáo bám sâu vào sinh hoạt văn hóa dân gian của người Việt.

Mặc dù xuất hiện từ lâu đời, đạo Phật chỉ lưu hành trong giới dân gian trong khi, ngược lại, giai cấp cầm quyền lấy Không giáo làm kim chỉ nam hành động. Sự tách biệt này không phải vì giáo lý đạo Phật mà vì triết lý thực dụng của đạo Không.

Về Lão giáo, do không nắm vững triết lý Đạo (Con đường), nghĩa là sống thuận với trời đất và thiên nhiên để tìm sự bình an trong tâm hồn, những phương pháp tu luyện trở thành huyền bí dành riêng cho những phái đạo gia khí công, hay biến cải thành những giải thích siêu nhiên (tử vi, phong thủy...) dành cho quần chúng.

Đạo Phật chỉ thực sự phát triển và thịnh vượng dưới thời nhà Lý (1009-1225), trở thành tôn giáo chính của triều đình, giai cấp tăng lữ trở thành công bộc của triều đình và được hưởng bổng lộc như những công thần.

Sang thời nhà Trần (1225-1428), giai cấp tăng lữ tiếp tục đảm nhiệm nhiều vai trò

quan trọng trong xã hội, nhà chùa có ruộng đất riêng và nô tì riêng.

Nhưng khi tiếp cận với quyền lợi và cuộc sống xa hoa, giới tăng lữ xa rời đạo lý và xử sự như người trần tục, hai đại thần Lê Quát và Trương Hán Siêu đã nhiều lần phê phán gay gắt giới tăng ni và khi quân Champa tiến công vào Thăng Long, giới sư sãi cũng bị đơn quân đánh giặc như dân thường.

Năm 1396, sau khi không chế nhà Trần, Hồ Quý Ly áp dụng nhiều chính sách thuận với Không giáo nhằm loại bỏ ảnh hưởng của đạo Phật ra khỏi cung đình, những sư sãi bị sa thải lui về ở ẩn trong các chùa chiền làng xã xa xôi để tránh nạn.

Ngược lại, trong dân gian, những sinh hoạt của Phật giáo đã trở thành nếp sống văn hóa chung của người Việt, như tụng kinh, thờ cúng, bố thí, trai đàn (cầu siêu), phóng sinh, ăn chay...

Dưới thời hậu Lê (1427-1789), ảnh hưởng của Phật giáo bị loại hẳn khỏi chốn cung đình và trở thành một tôn giáo dân gian, với những cái hay và cái dở của nó.

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) chính thức lấy Không giáo làm quốc học và tình trạng này kéo dài cho đến hết thời Pháp thuộc (1884-1945), nghĩa là trong suốt thời nhà Nguyễn (1802-1883).

Một sự kiện cần được nhắc tới là trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh (1627-1775), đặc biệt là dưới thời các chúa Nguyễn (1558-1777), đạo Phật ở xứ Đàng Trong được tôn vinh trở lại.

Nhiều chùa chiền lớn đã được xây dựng, một số vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay như chùa Linh Mục, chùa Từ Đàm (Huế), chùa Sùng Hóa (Phú Vang)... Ch�a Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) còn cho người sang Trung Hoa thỉnh bộ Đại tạng kinh, xây Tàng kinh lâu để bảo quản.

Trong giai đoạn này, nhiều tăng sư Đại thừa đã trực tiếp từ Trung Hoa vào Đàng Trong giảng kinh, nhiều tổ đình được thành lập. Một cách vô tình, Huế trở thành tổ đình, trung tâm sinh hoạt của đạo Phật trong suốt thời nhà Nguyễn.

Dưới thời Pháp thuộc, vì Phật giáo được coi là một tôn giáo dân gian, chính quyền thực dân Pháp đã để dân chúng Việt sống đạo một cách bình thường.

Đạo Phật được xếp vào hạng hội đoàn văn hóa và chỉ bị chi phối bởi Luật hội đoàn 1901.

Thiếu cơ quan lãnh đạo Phật giáo toàn quốc

Đạo Phật chỉ thực sự phát triển dưới thời nhà Lý (1009-1225)

Từ khi xuất hiện cách đây trên 2000 năm, rất nhiều tông phái Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa đã được du nhập vào Việt Nam.

Phái Đại thừa (Mahayana) chiếm đa số với các tông phái Bắc tông, Thiên tông (Zen), Tịnh Độ tông, Mật tông (Vajrayana); phái Tiểu thừa (Theravada) chỉ giới hạn ở miền Nam với các tông phái Nam tông, Phật giáo nguyên thủy, Phật đường Nam tông Minh sư

đạo.

Mỗi tông phái có nhiều hệ phái nhỏ, Đại thừa Thiên tông có những chi phái Trúc Lâm, Hoa Nghiêm, Liễu Quán... Ngoài ra có nhiều tông phái chỉ phát sinh tại miền Nam Việt Nam như Phật giáo Hòa hảo, Tứ ân Hiếu nghĩa, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Bửu sơn Kỳ hương...

Nói chung, cho tới năm 1954, Phật giáo tại Việt Nam chưa bao giờ được tổ chức thành một giáo hội chính quy mà chỉ có những tông phái và chi phái riêng biệt và sinh hoạt độc lập với nhau.

Hơn nữa, do không có một cơ quan Phật học chủ đạo để đào tạo giới tăng lữ, ai cũng có quyền đi tu và có thể trở thành tăng sĩ, tăng sĩ nào có công xây chùa thì được trụ trì tại chùa đó.

Do thiếu sách báo viết về Phật học, trình độ thuyết pháp của những vị sư ở thành thị và thôn quê rất là chênh lệch và nghi thức phụng pháp giữa hai vùng cũng hoàn toàn khác nhau. Tại nhiều nơi, nhất là trong các chùa lớn, những thiền sư trụ trì tự in sách Phật giảng dạy giáo lý cho tín đồ và khách thập phương.

Chính qua những buổi thuyết giảng này mà uy tín của mỗi vị thiền sư tỏa rộng trong khắp dân gian và trở thành cấp lãnh đạo tự nhiên của Phật giáo. Trong nhiều trường hợp, những cấp lãnh đạo này là một đe dọa cho các chính quyền đương thời.

Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu năm 1963 để phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm

Tại miền Bắc, sinh hoạt của các giáo phái và những cơ sở Phật giáo (chùa chiền, đền thờ, am tự...) đã gần như hoàn toàn nằm trong tay chính quyền cộng sản, những vị sư trụ trì trong các chùa đều do nhà nước bổ nhiệm và sinh hoạt của những cán bộ nhà nước.

Những hình thức cầu siêu, cúng bái đều bị cấm đoán và bị cho là mê tín dị đoan, việc tuyển dụng sư sãi rất là hạn chế và phải được chính quyền chấp nhận.

Tại miền Nam, dưới thời đệ nhất cộng hòa (1954-1963), đạo Phật vẫn phát triển một cách bình thường với sự hội nhập của nhiều nhà sư và Phật tử từ miền Bắc di cư vào.

Năm 1954, toàn miền Nam có 2.206 chùa chiền lớn nhỏ, con số đó đã tăng lên gấp đôi vào năm 1963 với 4.776 cơ sở.

Về tổ chức, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, được thành lập từ năm 1951 và trụ sở đặt tại Sài Gòn, là cơ quan điều hành các hội đoàn Phật giáo Đại thừa trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa; miền Trung và miền Nam cũng có những tổng hội Phật giáo riêng, sinh hoạt độc lập với Tổng hội Sài Gòn, như Giáo Hội Tăng Già Trung Phần, Tổng hội Phật Giáo Thừa Thiên, Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên...

Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì, vụng về hay cố ý, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thi hành một số biện pháp phân biệt đối xử đối với Phật giáo.

Lúc đầu, các cấp lãnh đạo Phật giáo phản đối việc áp dụng đạo Dụ số 10 ban hành ngày 6/8/1950 dưới thời cựu vua Bảo Đại,

theo đó những tổ chức tôn giáo được xếp ngang hàng với các hội đoàn và những hạn chế của nó, như không được quyền nhận tiền trợ cấp, giới hạn quyền sở hữu bất động sản...

Tiếp theo là Công điện số 5159 ngày 6/5/1963 cấm treo cờ tôn giáo vào dịp lễ Phật Đản hai ngày sau đó gây bất mãn trong giới Phật tử Huế.

Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo để tranh đấu đòi bình quyền tôn giáo được thành lập, nhiều vị lãnh đạo đã bị bắt giam.

Biểu tình và chống biểu tình đã làm nhiều người thiệt mạng và phong trào chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm lan rộng trên khắp miền Nam, mà cao điểm là ngày 11/6/1963 với cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 1/11, chấm dứt nền Đệ nhất cộng hòa.

Nhắc lại, trong thời gian từ 1960 đến 1963, chính quyền cộng sản miền Bắc tiến hành cuộc tiến chiếm miền Nam bằng vũ lực, Hoa Kỳ muốn đưa quân vào can thiệp nhưng gặp sự chống đối của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Cuộc tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức ngày 11/6 và cú đảo chánh ngày 1/11/1963 đều do Hoa Kỳ dàn dựng để lấy cớ bênh vực Phật giáo nhằm thành lập một chính quyền thân Mỹ tại miền Nam.

Về Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Tín đồ Phật giáo tụ tập trước cửa chùa Xá Lợi ngày 20/8/1963. Ảnh: J.M. BURFIN/AFP/Gett

Từ sau khi được tự do hành đạo và tổ chức giáo hội, những cấp lãnh đạo tông phái Phật giáo nhận thấy muốn có tiếng nói mạnh trong và ngoài nước thì phải được kết hợp thành một tổ chức có quy củ như Giáo hội Công giáo La Mã, với những chức vụ và cơ quan chức năng liên hệ.

Nhưng khi biến ước muốn thành hiện thực, sự việc đã không dễ dàng: Tổng hội Phật giáo Việt Nam quá yếu, chỉ có danh mà không có thực, còn những tông phái Phật giáo khác thì có rất nhiều và rất phân tán.

Ngày 31/12/1963, đại diện 11 tông phái và hội Phật giáo Bắc tông và Nam tông đã cùng nhau họp tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, để soạn thảo Hiến chương thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Ngày 4/1/1964, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời và trở thành cơ quan lãnh đạo sinh hoạt Phật giáo trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.

Cơ quan điều hành giáo hội gồm hai viện: Viện Tăng Thống (giáo luật) và Viện Hóa Đạo (điều hành). Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Tăng thống (chủ tịch), Thượng tọa Thích Tâm Châu làm viện trưởng Viện Hóa Đạo và Thượng tọa Thích Trí Quang làm tổng thư ký Viện Tăng Thống. Chùa Ấn Quang tại Sài Gòn được chọn làm trụ sở sinh hoạt của Giáo hội, tức Viện Tăng Thống. Viện Hóa Đạo, trụ sở đặt tại Việt Nam Quốc tự đường Trần Quốc Toản, Sài Gòn.

Do quen với sinh hoạt tự do và tự trị từ lâu đời, những tăng sĩ và cư sĩ của giáo hội mới này chưa quen với sinh hoạt có tổ chức, hơn nữa nhiều tăng sĩ đã bỏ ra nhiều công lao muốn được trao những vai trò quan trọng hơn, nhưng thực tế đã không như mong ước. Tuy mang danh là một giáo hội tôn giáo, nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hoạt động như một tổ chức chính trị năng động. Chính vì thế ngay sau khi vừa ra đời, việc điều hành Giáo hội đã gặp nhiều khó khăn.

1. Bất mãn nội bộ giữa hai Viện

Với những thành tích trong cuộc tranh đấu tại Huế, Thượng tọa Thích Trí Quang muốn nắm giữ một vai trò tích cực hơn trong việc biến Phật giáo thành một lực lượng quân chúng đáng kể để đấu tranh chính trị bạo động với chính quyền quân sự miền Nam mà chức vụ tổng thư ký của ông không đủ điều kiện để thực hiện. Trong khi Thượng tọa Tâm Châu thì ngược lại, cổ động đường lối đấu tranh ôn hòa để đạt mục tiêu.

2. Khác biệt về khuynh hướng chính trị giữa hai vị lãnh đạo

Sau 1964, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất được chia làm hai khối: khối Ấn Quang và khối Việt Nam Quốc Tự. Khối Ấn Quang, gồm 3 đoàn thể, do Thượng tọa Thích Trí Quang và Đại đức Nhất Hạnh lãnh đạo biểu lộ khuynh hướng thân cộng (Mặt trận Giải phóng Miền Nam) và hoạt động chống lại chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, mà cao điểm là cuộc bạo loạn cướp chính quyền năm 1966 nhưng bị thất bại.

Khối Việt Nam Quốc Tự, với 8 đoàn thể, biểu lộ khuynh hướng thân chính quyền và được công nhận là đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Lực lượng Phật giáo Việt Nam được thành lập dưới quyền lãnh đạo của Viện Hóa Đạo để tranh đấu và đề đạt nguyện vọng như yêu cầu chính quyền quân sự tái lập lại chính quyền dân sự và Mặt trận Giải phóng miền Nam giải giới và rút về vĩ tuyến 17.

Sự phân chia giữa hai khối kéo dài cho đến khi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ ngày 30/4/1975.

3. Chia rẽ ngay trong phong trào Phật giáo

Mặc dầu Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã chính thức thành lập với sự kết hợp 11 tông phái và hội Phật giáo, một số tăng sĩ khác vẫn tiếp tục sinh hoạt riêng và lập những hội đoàn khác.

Những tổ chức thân với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là Viện Cao đẳng Phật học, được thành lập ngày 13/3/1964, nhằm đào tạo và cấp bằng cấp Phật học; Giáo hội Thiền tông Việt Nam được thành lập tháng 11/1964; liên phái Phật tự khu vực Sài Gòn Gia Định tách khỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất để thành Tổng Giáo hội Phật giáo Việt Nam tháng 12/1964.

Những tổ chức Phật giáo thân với Mặt trận Giải phóng Miền Nam rất nhiều và thường được sử dụng như những cơ sở giao liên, tất cả đều đặt dưới sự điều động của Hội Lục hòa Phật tử do Mặt trận Giải phóng Miền

Nam thành lập.

Hóa giải Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

Nhiều chùa chiền được xây dựng tại Huế còn tồn tại tới ngày nay

Ngay sau 30/4/1975, chính quyền cộng sản Việt Nam áp dụng chính sách hạn chế hoạt động tín ngưỡng đối với mọi tôn giáo. Toàn bộ những cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Viện Hóa Đạo cũng như Ấn Quang, bị chính quyền mới tịch thu, nhiều vị sư lãnh đạo tị nạn sang nước ngoài như Thích Tâm Châu, Thích Nhất Hạnh.

Những hình thức lễ lạt lớn của Phật giáo đều bị cấm, kể cả việc treo cờ. Cuối năm 1975, nhiều cuộc đụng độ giữa Phật tử và công an đã xảy ra, 12 người tự thiêu nhưng cũng không làm thay đổi quyết tâm đặt giáo hội Phật giáo dưới quyền kiểm soát của chính quyền cộng sản.

Những cơ sở công ích còn lại của giáo hội Phật giáo cũng lần lượt bị đóng cửa hay quốc hữu hóa, như cô nhi viện Quách Thị Trang, Viện Đại học Vạn Hạnh, nhà xuất bản Lá Bối.

Các cấp lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bị coi là phản động, cũng đã lần lượt bị bắt giam: Hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ và Thích Thiện Minh.

Những người đã từng ủng hộ Mặt trận Giải phóng Miền Nam trước kia và đang có chân trong Mặt trận Tổ quốc và Quốc hội, như

Hòa thượng Thích Đôn Hậu, cũng bị đối xử thô bạo vì dám chống lại chính quyền.

Để hóa giải ảnh hưởng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất và nắm Phật giáo trong tay, ngày 7/11/1981 chính quyền cộng sản Việt Nam cho ra đời Hiến chương thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, qui tụ 9 tổ chức giáo hội, hội, và hệ phái trên toàn quốc, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Sơ đồ tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam không khác gì sơ đồ của một đảng phái hay hội đoàn dân sự, với những cấp trung ương, tỉnh thành, quận huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Quyết tâm biến Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành một công cụ chính trị của chế độ thể hiện rõ rệt trong Điều 7 của Hiến chương:

"Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo đúng Giáo pháp, Giáo luật Phật chế và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".

Ngoài ra Hội đồng Trị sự, tức cơ quan điều hành, còn có nhiệm vụ giới thiệu tăng ni, cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội.

Từ sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, mà quần chúng Việt Nam gọi là 'Giáo hội Phật giáo nhà nước' hay 'Giáo hội Phật

giáo quốc doanh', tầm hoạt động và ảnh hưởng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất suy giảm hẳn.

Tăng sĩ thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất bị chính quyền cộng sản Việt Nam gây áp lực gia nhập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nếu muốn tiếp tục trụ trì hay ở lại trong những cơ sở tu hành.

Hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất chỉ còn giữ được khoảng 10% tổng số cơ sở đã có trước 1975. Tất cả những cơ sở còn lại được chính quyền cộng sản Việt Nam giao cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý.

Sự can thiệp của chính quyền trực tiếp vào cách hành đạo đã khiến sinh hoạt của Phật giáo Việt Nam suy đồi. Một số sư sãi được chính quyền đề cử trụ trì đã biến chốn thờ phượng thành nơi giải trí và buôn thần bán thánh.

Nhiều cán bộ cao cấp trong chính quyền bỏ tiền xây chùa và mướn sư sãi trông nom với hy vọng được về cõi Niết Bàn sau khi chết. Có chùa còn tạc tượng bồ tát Hồ Chí Minh, có tượng được dát vàng, để thờ ngang với các chư Phật.

Hiếm thấy một vị sư nào có nước da cháy nắng, gầy ốm còn đi khất thực hay sống trong những ngôi chùa ẩm đạm để tu thiền và giảng thuyết.

Ngày nay, nhiều khách thập phương đến chùa để cầu xin trúng số hay thỏa mãn tình duyên nhiều hơn là để cầu nguyện.

Thêm vào đó, sự tuyển chọn người đảm nhiệm nhiều chức vụ tôn giáo do chính quyền quyết định. Sinh hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang bị chính quyền cộng sản Việt Nam trần tục hóa.

Trước chính sách trần tục hóa của sinh hoạt Phật giáo, sự tồn tại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là rất cần thiết, vì đó là một đối trọng.

Nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hiện nay không còn thống nhất như trước. Tầm vóc hoạt động của giáo hội trong và ngoài nước đã bị thu hẹp nhưng tranh chấp quyền lực vẫn tiếp tục xảy ra ngay trong nội bộ Giáo hội mà vụ Thích Chánh Lạc là một thí dụ.

Thêm vào đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đang đối đầu với nguy cơ lão hóa.

Hòa thượng Thích Quảng Độ năm nay đã 85 tuổi, những người có thể kế tục chắc chắn không còn trẻ và cũng không có tầm vóc uy tín và bản lĩnh như ông.

Nếu không đào tạo được những thế hệ thay thế, sự tồn tại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đang bị đếm ngược.

Nguyễn Văn Huy Gửi đến BBC từ Paris, Pháp

9 tháng 9 2013



Hận thu cao

Tuệ Sỹ

*Quì xuống đó nghe hương trời cát bụi
Đôi chân trần xuôi ảo ảnh về đâu?
Tay níu lại những lần khăn chìm nổi
Hận thu cao mây trắng bỗng thay màu.*

*Ta sẽ rũ gió lùa trên tóc rối
Giọng ân tình nắn nỉ bước đi mau
Còn rộn rã bởi hoang đường đã đổi
Bởi phiêu lưu ngày tháng vẫn con tàu.*

*Vẫn lăn lóc với đá mòn dút nổi
Đá mòn ơi, cười một thuở chiêm bao
Quỳ xuống nữa ngủ vùi trong cát bụi
Nửa chừng say quán trọ khóc lao xao.*

*Tay níu nửa gốc thông già trơ trọi
Đứng bên đường nghe mối hận lên cao*

KẾT TỪ

*Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về.*

Thích Tuệ Sỹ
Nha Trang 1973

Sự Thật Đằng Sau "Bông Hồng Cài Áo"

FB. Nhi Ngoc Nguyen



Thiền sư Thích Nhất Hạnh đi Nhật nhân mùa Vu Lan được cài cho 1 bông cẩm chương trắng, ông hỏi thăm mới biết đó là tục cài hoa màu đỏ cho ai còn mẹ, cài hoa màu trắng cho ai mất mẹ, để tưởng nhớ mẹ. Sau đó khi đi Mỹ du học, ông viết "*Bông hồng cài áo*" lồng vào tập tục trên, ông gửi bài viết này cho đệ tử của ông. Các đệ tử bèn chép ra nhiều trăm bản kèm theo cành hoa hồng gửi đi cho bạn bè người quen, rồi đến nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ phổ thành nhạc. Các chùa cho in bài viết này và phổ biến việc cài hoa. Cứ thế dần dần trở thành 1 tập tục trong các kỳ lễ Vu Lan, mà thật ra chẳng ai biết nguồn gốc của nó là từ đâu.

Sự thật tục cài hoa cho mẹ này là từ Mỹ, do bà Anna Jarvis đặt ra đầu tiên, từ năm 1907.

Bà Anna Jarvis rất thương mẹ nhưng không may mẹ bà lại mất đột ngột đúng lúc 2 mẹ con đang có chuyện bất đồng, đang giận nhau

nên không nói chuyện. Điều này làm bà Anna Jarvis ray rứt, ân hận mãi.

Năm 1907, bà Anna Jarvis gửi 500 đóa hoa cẩm chương trắng cho tất cả các bà mẹ trong nhà thờ của mình, và nhắc nhở mọi người rằng hãy trân quý mẹ của mình khi Người còn sống, đừng như bản thân bà, cãi nhau, giận dỗi với mẹ, để rồi sau khi mẹ mất mới hối hận.

Bà chọn hoa cẩm chương trắng vì đó là hoa mà mẹ bà thích nhất. Lúc đó không có phân biệt hoa đỏ, hoa trắng gì cả!

Sau đó bà Anna Jarvis cố gắng vận động chính quyền lẫn nhà thờ và bạn bè quen biết, để tổ chức 1 ngày Mother's Day, Ngày cho Mẹ. 1 năm sau, năm 1908, ông John Wanamaker, một chủ tiệm hoa, tham gia chương trình vận động của bà, tình nguyện tặng miễn phí hàng ngàn đóa hoa cẩm



Bà Anna Jarvis (1864-1948)

chương trắng cho mỗi năm khi bà Jarvis tổ chức ngày lễ Mẹ tại nhà thờ.

Đến năm 1914, Tổng thống Mỹ là ông Wilson ra quyết nghị chính thức nhìn nhận Ngày Lễ Mẹ, để vinh danh tất cả các bà mẹ, còn sống hay đã chết.

Từ đó trở đi, mỗi năm hàng triệu người Mỹ tổ chức Ngày Lễ Mẹ và cài hoa cẩm chương trắng. Nhưng vì nhiều người mua quá không đủ hoa trắng cung cấp, nên các chủ tiệm hoa "tự chế" thêm: "hoa trắng là cho ai mất mẹ và hoa đỏ là cho ai còn mẹ", để có thể đáp ứng đủ nhu cầu và bán được thêm hoa, và thế là chuyện "hoa trắng hoa đỏ" ra đời!

Tục lệ này lan truyền khắp nước Mỹ, rồi lan sang Nhật, cuối cùng lưu truyền vào Việt Nam.

Nhưng chính tại Mỹ, thì bà Anna Jarvis vào những năm cuối đời lại rất phẫn nộ và thất vọng vì chuyện này, vì bà nói ngày này đã bị kinh doanh hóa, biến thành cơ hội để các tiệm bán hoa kiếm lời. Từ hoa cẩm chương

trắng của mẹ bà, nhảy qua hoa trắng hoa đỏ, để có đủ hoa mà bán, rồi lại từ cẩm chương nhảy qua các loại hoa khác, cũng chỉ để bán được nhiều hoa nhiều tiền, mất hết ý nghĩa ban đầu!

Các chuyên gia tâm lý người Mỹ thì phản đối tục lệ hoa trắng hoa đỏ, vì sự phân biệt này làm cho những người đã mất mẹ phải cảm thấy đau lòng, buồn tủi. Phân biệt con còn mẹ với con mồ côi là không tôn trọng nhân quyền và quyền bình đẳng, nên sau này người Mỹ hầu như đã bỏ đi tập tục này. Hiện nay ở Mỹ dường như không còn ai cài hoa trắng, hoa đỏ vào ngày lễ Mẹ nữa.

Riêng ở VN, có lẽ vì không ai biết nguồn gốc tục lệ này và ý nghĩa thật sự của nó, chỉ thấy là phong trào hay hay nên theo. Riêng ở Làng Mai thì còn cài thêm đóa hoa thứ 2 cho cha, cài bên trên đóa hoa cho mẹ để phân biệt. Trẻ em nào phải cài đến 2 đóa hoa trắng, hẳn sẽ buồn và tủi thân lắm?

FB Ngọc Nhi Nguyen

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc
7913 Rochelle Road
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368

To: